

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4726/2024/DS-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 1158/2024/DSST ngày 30/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7056/2024/QĐXXST - DS ngày 22/8/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 7337 ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Trụ sở: Số X đường N, phường S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Z Đường số Y, Phường L, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
(Theo Giấy ủy quyền số 118/2024/UQ-TGD, ngày 03/1/2024)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: A đường B, tổ C, khu phố D, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng*

Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) do Ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

- Ngày 31/08/2017 giữa Ông Nguyễn Hồng N (gọi tắt là ông N) và Ngân hàng ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có số thẻ là 472075 – 6484 và hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay trong hạn là 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Hồng N đã tiến hành thủ tục giao nhận thẻ. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng Ông Nguyễn Hồng N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 373,663,034 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 367,497,409 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo giao dịch hàng tháng, dù đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/4/2023.

Nay, tính đến ngày 27/9/2024, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 49,080,879 đồng bao gồm 27.964.329 đồng dư nợ gốc và 21.116.550 đồng lãi quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông N có trách nhiệm thanh toán tiền cho Ngân hàng, không liên quan đến cá nhân, cơ quan nào khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông N. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, bên nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Bị đơn ông N đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông N có nơi cư trú cuối cùng tại: A đường B, tổ C, khu phố D, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông N đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

- Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (đơn vị phát hành thẻ) được ký vào ngày 31/8/2017 giữa Ngân hàng và ông N, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và ông N đã phát sinh quan hệ vay tài sản thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng được cấp cho chủ thẻ để thực hiện các giao dịch cá nhân. Theo đó, ông N được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng đứng tên ông N, có số thẻ là 472075-6484 và hạn mức cấp: 25.000.000 đồng, mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là tiêu dùng cá nhân. Việc thỏa thuận cấp thẻ tín dụng giữa ông N và Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật.

- Quá trình thực hiện, qua đối chiếu bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê tính lãi của khách hàng ông N thì dư nợ còn lại tính đến ngày 27/9/2024 là: 49,080,879 đồng bao gồm: Nợ gốc: 27.964.329 đồng; nợ lãi quá hạn: 21.116.550 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 01/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa.

- Đại diện Ngân hàng xác nhận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đối với bị đơn ông N đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không có lý do, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình theo pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án.

Xét, do bị đơn ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ và khởi kiện để

thu hồi nợ. Việc này phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (đơn vị phát hành thẻ), theo đó nguyên đơn được quyền thực hiện các biện pháp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ nếu khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, có quyền chấm dứt việc cho vay và có quyền khởi kiện khách hàng vi phạm theo quy định của pháp luật;

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông N có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất vay quá hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Điều này phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên được ghi nhận trong hợp đồng, cũng như quy định Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...”

Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc ông N phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên và phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (đơn vị phát hành thẻ) được ký vào ngày 31/8/2017;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;
- Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

T 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần

- Buộc Ông Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ttạm tính đến ngày 27/9/2024 tổng số tiền 49,080,879 đồng bao gồm: Nợ gốc: 27.964.329 đồng; nợ lãi quá hạn: 21.116.550 đồng;

- Ông Nguyễn Hồng N còn phải chịu khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tđược ký vào ngày 31/8/2017;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồng N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.454.044 đồng, nộp tại Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 961.131 đồng theo biên lai thu số 0027211 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thị hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án;

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**